TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/DS-ST
Ngày: 30 – 5 – 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Tuấn Khanh.
- *Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Nguyễn Hoàng Hổ
2. Ông Trần Văn Tám
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 30 tháng 05 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2023/TLST-DS, ngày 03 tháng 04 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 5 năm 2023 và Thông báo dời ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm số 04/2023/TB-TA ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Tăng Văn H, sinh năm 1962 (có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Văn Ch, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt).
Bà Đặng Thị Hông C, sinh năm 1976 (vợ ông Ch, có mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã Y, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2023 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Tăng Văn H trình bày:

Từ năm 2019 vợ chồng ông Lê Văn Ch và bà Đặng Thị Hông C có đến cửa hàng Triệu Phúc do ông Tăng Văn H là Chủ hộ kinh doanh để mua vật tư thủy sản, thời gian đầu hai bên không xảy ra tranh chấp. Đến năm 2020 khi thấy công nợ lên cao nhưng vợ chồng ông Ch, bà C chậm thanh toán nên đến ngày 28/10/2020 hai bên mới làm biên nhận chốt lại số nợ vợ chồng ông Ch, bà C còn thiếu là 107.000.000 đồng, vợ chồng ông Ch, bà C có ký nhận nợ và cam kết chịu lãi suất là 1,5%/tháng. Đến ngày 29/5/2021 vợ chồng ông Ch, bà C tiếp tục mua thêm vật tư thủy sản với số tiền

là 29.610.000 đồng. Sau đó ông Ch, bà C có trả cho ông H được 7.000.000 đồng, còn lại 22.610.000 đồng.

Tổng cộng vợ chồng ông Ch, bà C còn thiếu ông H là 129.610.000 đồng. Ông H có đến nhà ông Ch, bà C để yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng vợ chồng ông Ch, bà C chỉ hứa mà không trả. Vì vậy, ông H mới làm đơn gửi đến Ban lãnh đạo ấp Đặng Văn Do, xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng để yêu cầu giải quyết nhưng không thành, do hai bên không thống nhất được số tiền lãi.

Nay ông H yêu cầu vợ chồng ông Ch, bà C phải trả tiền mua vật tư thủy sản còn thiếu là 129.610.000 đồng và yêu cầu tính lãi đối với số tiền 129.610.000 đồng với mức lãi suất 1%/tháng cụ thể như sau: Số tiền 107.000.000 đồng yêu cầu tính lãi từ ngày 29/10/2020 đến khi xét xử, số tiền 22.610.000 đồng tính lãi từ ngày 30/5/2021 đến khi xét xử.

Bị đơn bà Đặng Thị Hông C trình bày*:*

Bà C thừa nhận từ năm 2019 đến năm 2021 vợ chồng bà C, ông Ch có mua vật tư thủy sản tại cửa hàng của ông H nhiều lần và còn nợ lại số tiền là 129.610.000 đồng. Hiện nay gia đình bà C đang gặp khó khăn nên bà C xin được trả số nợ gốc là 129.610.000 đồng, với hình thức mỗi năm trả 20.000.000 đồng. Về phần lãi suất thì bà C chỉ đồng ý trả lãi đối với số tiền gốc 20.000.000 đồng từ ngày 28/10/2022 đến khi xét xử, vì trước đây vào khoảng tháng 10/2020 ông H có kêu vợ chồng bà C, ông Ch trả số tiền là 50.000.000 đồng, thời gian này gia đình bà C đang gặp khó khăn nên bà C mới đến gặp ông H thỏa thuận xin trả đỡ 30.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng bà Hà xin giữ lại để lo cho con đi học ở Rạch Giá và đồng ý chịu lãi đối với tiền 20.000.000 đồng với mức lãi suất là 1,5%/tháng. Ông H đồng ý nên kêu vợ chồng bà C, ông Ch ký vào sổ nợ lần thứ nhất, sau đó vài tháng ông H kêu vợ chồng bà C, ông Ch ký vào sổ nợ lần 02. Do tin tưởng nên vợ chồng ông Ch, bà C ký biên nhận nợ mà không đọc kỹ nội dung trong biên nhận nợ là ông H có ghi lãi suất.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 07/5/2023 đồng bị đơn ông Lê Văn Ch trình bày: Vì lý do đang đi làm ăn xa nên ông Ch xin được vắng mặt tại phiên tòa, mọi vấn đề có liên quan trong vụ án do vợ chông Ch là bà C khai và cung cấp cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Biên bản hòa giải ngày 23/3/2023, 02 Bảng kê mua vật tư thủy sản, Đơn yêu cầu ngày 16/3/2023, Biên bản hòa giải của Ban lãnh đạo ấp Đặng Văn Do ngày 23/03/2023, Biên bản xác minh ngày 21/3/2023.

Bị đơn cung cấp: Đơn xin xét xử vắng mặt của ông Lê Văn Ch; Bản trình

bày ý kiến ngày 17/4/2023 của bà Đặng Thị Hông C, Đơn xin miễn tiền án phí ngày 06/5/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đồng bị đơn ông Lê Văn Ch vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Tăng Văn H với bị đơn ông Lê Văn Ch, bà Đặng Thị Hông C là tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa. Cụ thể ông H yêu cầu vợ chồng ông Ch, bà C trả tiền mua vật tư thủy sản còn thiếu với tổng số tiền là 129.610.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

[3]. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng bà C, ông Ch trả số tiền mua vật tư thủy sản còn thiếu là 129.610.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 1%/tháng đối với tiền 107.000.000 đồng từ ngày 29/10/2020 đến khi xét xử, yêu cầu tính lãi đối với số tiền 22.610.000 đồng từ ngày 30/5/2021 đến khi xét xử. Về việc bà C xin trả nợ với hình thức mỗi năm trả 20.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ ông H không đồng ý.

Bị đơn bà C thừa nhận có mua vật tư thủy sản tại cửa hàng của ông H và còn nợ số tiền là 129.610.000 đồng, bà C đồng ý trả số nợ gốc là 129.610.000 đồng với hình thức mỗi năm trả 20.000.000 đồng. Về phần lãi suất thì bà C chỉ đồng ý trả lãi đối với số tiền 20.000.000 đồng, trước đây ông H có kêu vợ chồng bà C trả đỡ số tiền 50.000.000 đồng, bà C có đến gặp ông H để thỏa thuận xin trả đỡ cho ông H 30.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng bà C xin giữ lại để lo con đi học và đồng ý chịu lãi suất là 1,5%/tháng. Việc ông H ghi lãi suất 1,5%/tháng trong 02 biên nhận nợ do vợ chồng bà C, ông Ch không đọc kỹ biên nhận nên mới đồng ý ký tên, chứ khi mua bán hai bên không có thỏa thuận lãi suất. Ngoài ra theo bà C thì không có Doanh nghiệp nào trên địa bàn huyện U Minh Thượng tính lãi suất đối với khách hàng nếu chậm thanh toán.

Xét việc bà C thừa nhận có mua vật tư thủy sản tại cửa hàng của ông H từ năm 2019 đến tháng 5/2021 và còn nợ lại số tiền 129.610.000 đồng đến nay đã hơn 02 năm nhưng chưa thanh toán cho ông H là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà C, ông Ch trả tiền mua vật tư thủy sản còn thiếu với số tiền 129.610.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét việc bà C xin trả số nợ gốc với hình thức mỗi năm trả 20.000.000 đồng nhưng ông H không đồng ý. Theo quy định tại mục 1, phần II, Thông tư liên tịch

số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: "*Toà án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác"*. Do đó, việc bà C xin trả nợ cho ông H với hình thức mỗi năm trả 20.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất chậm trả: Xét việc bà C cho rằng khi mua bán hai bên không có thỏa thuận lãi suất chậm trả, ngoài ra không có doanh nghiệp nào trên địa bàn huyện U Minh Thượng tính lãi chậm trả đối với khách hàng khi chậm thanh toán nên không đồng ý trả lãi cho ông H là không đúng quy định pháp luật.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 quy định: "*Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015".*

Dẫn chiếu tới Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

"1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này"

Như vậy, theo quy định tại Điều 357 và Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 thì bên có nghĩa vụ chậm trả tiền phải chịu lãi suất theo thỏa thuận, nếu không có thỏa thuận thì việc tính lãi sẽ được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Xét thấy, trong 02 biên nhận nợ được vợ chồng bà C, ông Ch thừa nhận ký tên đều có ghi lãi suất là 1,5%/tháng, việc bà C thừa nhận có ký biên nhận nợ nhưng cho rằng do không đọc kỹ biên nhận nợ nên vợ chồng ông Ch, bà C mới ký tên, vì vậy không đồng ý trả lãi cho ông H là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Lãi suất ghi trong 02 biên nhận nợ là 1,5%/tháng, nhưng tại phiên tòa ông H chỉ yêu cầu tính lãi suất với mức 1%/tháng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Do đó, ngoài số tiền nợ gốc là 129.610.000 đồng, vợ chồng ông Ch, bà C còn phải trả cho ông H số tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng, cụ thể như sau:

Tiền lãi của số tiền 107.000.000 đồng từ ngày 29/10/2020 đến ngày 30/5/2023 (31 tháng 01 ngày) là 33.205.666 đồng; Tiền lãi của số tiền 22.610.000 đồng từ ngày 30/5/2021 đến ngày 30/5/2023 (24 tháng) là 5.426.000 đồng.

Tiền lãi tổng cộng là 38.632.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền vợ chồng ông Ch, bà C phải trả cho ông H là 168.242.000 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn).

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vợ chồng ông Ch, bà C phải chịu tiền án phí là 168.242.000 x 5% = 8.412.000 đồng. Ngày 06 tháng 05 năm 2023, vợ chồng ông Ch, bà C có đơn xin giảm án phí do gặp sự kiện bất khả kháng, gia đình rơi hoàn cảnh khó khăn dẫn đến không đủ tài sản để nộp án phí được UBND xã Thạnh Yên xác nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 13, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Hội đồng xét xử chấp nhận giảm cho vợ chồng bà C, ông Ch 50% số tiền án phí. Vợ chồng bà C, ông Ch còn phải nộp số tiền án phí là 4.206.000 đồng (bốn triệu hai trăm lẽ sáu nghìn đồng)

Ông Tăng Văn H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.240.000 (ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn) theo biên lai thu số 0005861 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 13, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tăng Văn H với bị đơn ông Lê Văn Ch, bà Đặng Thị Hông C về việc tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa.

2. Buộc ông Lê Văn Ch, bà Đặng Thị Hông C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Tăng Văn H số tiền là 168.242.000 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Lê Văn Ch, bà Đặng Thị Hông C phải chịu tiền án phí là 8.412.000 đồng (tám triệu bốn trăm mười hai nghìn đồng). Vợ chồng ông Ch, bà C có đơn xin giảm tiền án phí do gia đình gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không còn tài sản để nộp tiền án phí được UBND xã Thạnh Yên xác nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 13, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí, Hội đồng xét xử chấp nhận giảm

cho vợ chồng bà C, ông Ch 50% số tiền án phí phải nộp. Vợ chồng ông Ch, bà C còn phải nộp số tiền án phí là 4.206.000 đồng (bốn triệu hai trăm lẽ sáu nghìn đồng).

Ông Tăng Văn H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.240.000 (ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) tại biên lai thu số 0005861 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh